

Số: 13/NQ-HĐND

Tây Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂY HÒA
KHÓA II, KỶ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 0498/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Tây Hòa về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương xã Tây Hòa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Tây Hòa về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách 06 tháng cuối năm 2025;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 20/03/2026 của UBND xã Tây Hòa về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách xã Tây Hòa năm 2025; Báo cáo thẩm tra số: 01/BC-KTNS ngày 26/3/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025, với nội dung như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025:	274.267.000.000	đồng
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	7.883.000.000	đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	264.990.000.000	đồng
- Thu chuyển nguồn:	1.394.000.000	đồng
- Thu kết dư ngân sách:	0	đồng

2. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2025:	274.267.000.000 đồng
- Chi đầu tư phát triển:	11.401.000.000 đồng
- Chi thường xuyên:	245.134.000.000 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách:	17.732.000.000 đồng
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	0 đồng

3. Chênh lệch thu, chi ngân sách xã năm 2025: 0 đồng

(Chi tiết có các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã

- Hoàn thành các thủ tục, hồ sơ quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025 gửi cấp trên đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Chịu trách nhiệm về nội dung, tính pháp lý, sự chính xác của số liệu, tính hợp lệ trong báo cáo quyết toán ngân sách xã năm 2025 theo quy định.

- Thực hiện công khai quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025 theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá II, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *lth*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND, UBND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, đơn vị có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT + PH.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Xuân Hạnh

QUẬN TÂY HỒ
CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HDND ngày 31/03/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS xã
1	2	4	5	6	7	8	10
Tổng số thu	274,267	0	274,267	Tổng số chi	274,267	0	274,267
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	274,267		274,267	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	274,267		274,267
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5,786		5,786	1. Chi đầu tư phát triển	11,401		11,401
2. Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	2,097		2,097	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0		
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0			3. Chi thường xuyên	245,134		245,134
4. Thu kết dư năm trước	0			4. Chi viện trợ	0		
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	1,394		1,394	5. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ	0		
6. Thu viện trợ	0			6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	264,990		264,990	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0		
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	18,932		18,932	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau	17,732		17,732
- Bổ sung có mục tiêu	246,058		246,058	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước	0		0
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	0		0		0		
- Bội chi = chi - thu¹	0				0		
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)	0			B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹	0		

QUYẾT TOÁN THU NSNN, NSDP NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/QĐ-HĐND ngày 31/03/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Cấp Huyện		Cấp Tỉnh		Cấp Trung ương		Tổng cộng	So sánh Q/T/DT (%)
	Quyết toán năm	Thu NS	NSDP	Thu NS	Thu NS	Thu NS		
A	151.270	6.605	151.270	6.605	151.270	6.605	119,35%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	0	0	0	0	0	119,35%	
	- Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thu từ hoạt động tham do, khai thác, dầu khí	0	0	0	0	0		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thu từ hoạt động tham do, khai thác, dầu khí	0	0	0	0	0		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	0	0	0	0	0		
	- Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí	0	0	0	0	0		
	- Thu từ khi thiên nhiên	0	0	0	0	0		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	0	0	0	0	0	181,31%	
	- Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0	0		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thu từ hoạt động tham do, khai thác, dầu khí	0	0	0	0	0		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	0	0	0	0	0		
	- Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí	0	0	0	0	0		
	- Thu từ khi thiên nhiên	0	0	0	0	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	119,35%	
	3.1 Thu từ nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài	0	0	0	0	0		
	3.2 Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0		
	- Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0	0		
	Trong đó: Thu từ hoạt động tham do và khai thác dầu, khí	0	0	0	0	0		



QUYẾT TOÁN THU NSNN, NSDP NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31/03/2026 của Hội đồng nhân dân xã)



Nội dung		Thu NSNN		Thu NSDP		Thu NS		Giao:	
		Quyết toán	Thu NS	Thu NSDP	Thu NS	Thu NS	Thu NS	Thu NS	Cấp
		năm	Thu NS	NSDP	Thu NS	Thu NS	Thu NS	Thu NS	HBND
		định	năm	định	định	định	định	định	định
		(1)	(3)-(4)+(5)	(2)	(4)	(5)-(6)+(7)	(6)	(7)	(8)-(3):(1)
		B	(9)=(3):(2)						
A	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính	0							
1	Thu từ bán có phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách	0							
2	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách	0							
-	Thu nợ gốc cho vay	0							
-	Thu lãi cho vay	0							
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0							
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	0							
1	Vay bù đắp bội chi NSDP	0							
1	Vay trong nước	0							
2	Vay từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	0							
II	Vay để trả nợ gốc vay	0							
1	Vay trong nước	0							
2	Vay từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	0							
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	144,665	264,990	144,665	264,990	0	264,990	264,990	183,17%
1	Thu bù sung từ ngân sách cấp trên	144,665	264,990	144,665	264,990	0	264,990	264,990	183,17%
1	Bổ sung cân đối	18,932	18,932	18,932	18,932		18,932	18,932	100,00%
2	Bổ sung có mục tiêu	125,733	246,058	125,733	246,058		246,058	246,058	195,70%
-	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước	125,733	246,058	125,733	246,058		246,058	246,058	195,70%
-	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước	0	0	0	0		0	0	
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	0	0		0	0	
D	THU CHUYỂN NGUỒN	0	1,394	0	1,394		1,394	1,394	
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH	0	0	0	0		0	0	


Đơn vị tính: Triệu đồng


QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/03/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)-(3):(1)	(7)-(3):(2)
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH	151,270	151,270	256,535	0	256,535	169,59%	169,59%
I	Chi đầu tư phát triển	450	450	11,401	0	11,401	2533,56%	2533,56%
I	Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác và chi quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước, chi tiết theo từng lĩnh vực	450	450	11,401	0	11,401	2533,56%	2533,56%
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW				0			
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW				0			
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				0			
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				0			
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình				0			
1.6	Chi Văn hóa thông tin				0			
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình				0			
1.8	Chi Thể dục thể thao				0			
1.9	Chi Bảo vệ môi trường				0			
1.10	Chi các hoạt động kinh tế				0			
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				0			
1.12	Chi Bảo đảm xã hội				0			
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác				0			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật				0			
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương				0			
4	Chi đầu tư phát triển khác				0			
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định	150,820	150,820	245,134	0	245,134	162,53%	162,53%
III	Chi thường xuyên							
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	2,745	2,745	3,022		3,022,24	110,12%	110,12%




QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/03/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp	HĐND	Tổng số	Chi NS	Chi	Cấp trên	HĐND
		trên	quyết	Chi	cấp	NS	giao	quyết định
		giao	định	NSDP	tỉnh	xã		
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)-(3):(1)	(7)-(3):(2)
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	2,281	2,281	2,011		2,011.28	88.19%	88.19%
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	110,157	110,157	108,137		108,137.02	98.17%	98.17%
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình (Kinh phí mua bảo hiểm y tế cho đối tượng BTXH theo ND số 20/2021/ND-CP của Chính Phủ)	0	0	916		915,794		
2.6	Chi Văn hóa thông tin	380	380	1,578		1,577.94	415.25%	415.25%
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình	255	255	1,004		1,003.87	393.68%	393.68%
2.8	Chi Thể dục thể thao	164	164	370		369.569	225.35%	225.35%
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	295	295	1,601		1,600.69	542.61%	542.61%
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	6,593	6,593	11,150		11,149.67	169.11%	169.11%
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	26,113	26,113	69,917		69,917	267.75%	267.75%
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	849	849	44,234		44,233.84	5210.11%	5210.11%
2.13	Chi Chương trình MTQG	330	330	612		612.06	185.47%	185.47%
2.14	Dự phòng chi	565	565	565		565	100.00%	100.00%
2.13	Chi khác	94	94	18		18.193	19.35%	19.35%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
V	Chi viện trợ							
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ							
VII	Chi chuyển nguồn							
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước							
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI							
1	Bổ sung cân đối							
2	Bổ sung có mục tiêu							
	Tr. đó: - Bảng nguồn vốn trong nước							
	- Bảng nguồn vốn ngoài nước							
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN							
	TỔNG SỐ (A+B+C)							

